

Bản án số: 773/2017/HS-PT

Ngày: 30-10-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Phở và ông Ngô Tiến Phong.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Công Hách - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 502/2017/TLPT-HS ngày 30/6/2017 đối với bị cáo Đỗ Duy K và các đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 39/2017/ST-HS ngày 27/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện TT.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **ĐỖ DUY K**, sinh năm 1960; ĐKNKTT và trú tại: Đội 8, thôn TC, xã TP, huyện TT, thành phố Hà Nội; *nghề nghiệp:* Làm ruộng; *quốc tịch:* Việt Nam; *dân tộc:* Kinh; *trình độ học vấn:* 06/10; con ông Đỗ Duy Xốp và bà Nguyễn Thị Bột; có vợ là Nguyễn Thị Oanh; *tiền án tiền sự:* Chưa; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2013 đến 16/10/2013; hiện tại ngoại; có mặt.

2. **LÊ VĂN M**, sinh ngày 10/02/1947; ĐKNKTT và trú tại: Đội 8, thôn TC, xã TP, huyện TT, thành phố Hà Nội; *nghề nghiệp:* Làm ruộng; *quốc tịch:* Việt Nam; *dân tộc:* Kinh; *trình độ học vấn:* 03/10; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Lê Văn Nhường và bà Phạm Thị Lợi; có vợ là Đỗ Thị Tụ; *tiền án, tiền sự:* Chưa; *nhân thân:* Ngày 05/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản*” (bản

án có kháng cáo); bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2013 đến ngày 15/10/2013; hiện tại ngoại. Có mặt.

3. HỒNG QUANG T, sinh năm 1964; ĐKNKTT và trú tại: Đội 8, thôn TC, xã TP, huyện TT, thành phố Hà Nội; *nghề nghiệp*: Làm ruộng; *quốc tịch*: Việt Nam; *dân tộc*: Kinh; *trình độ học vấn*: 06/10; con ông Hồng Quang Phục và bà Nguyễn Thị Đức; có vợ là Đỗ Thị Dung; *tiền án tiền sự*: Chưa; *nhân thân*: Ngày 05/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản*” (bản án có kháng cáo); bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2013 đến ngày 17/10/2013; hiện tại ngoại. Có mặt.

4. ĐỖ DUY C, sinh năm 1971; ĐKNKTT và trú tại: Đội 8, thôn TC, xã TP, huyện TT, thành phố Hà Nội; *nghề nghiệp*: Làm ruộng; *quốc tịch*: Việt Nam; *dân tộc*: Kinh; *trình độ học vấn*: 06/10; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Đỗ Duy Huy và bà Lê Thị Bẩy; có vợ là Lương Thị Đức; *tiền án, tiền sự*: Chưa; *nhân thân*: Ngày 05/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản*” (bản án có kháng cáo); bị cáo tại ngoại. Có mặt.

5. LÊ VĂN KH, sinh năm 1979; ĐKNKTT và trú tại: Thôn TC, xã TP, huyện TT, thành phố Hà Nội; *nghề nghiệp*: Làm ruộng; *quốc tịch*: Việt Nam; *dân tộc*: Kinh; *trình độ học vấn*: 09/10; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Lê Văn Khuê và bà Đỗ Thị Thực; có vợ là Nguyễn Thị Chinh; *tiền án tiền sự*: Chưa; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

6. LÊ VĂN C, sinh năm 1948; ĐKNKTT và trú tại: Đội 8, thôn TC, xã TP, huyện TT, thành phố Hà Nội; *nghề nghiệp*: Làm ruộng; *quốc tịch*: Việt Nam; *dân tộc*: Kinh; *trình độ học vấn*: 01/10; con ông Lê Văn Quắc và bà Hoàng Thị Vừng; có vợ là Hồ Thị Tấn; *tiền án, tiền sự*: Chưa; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Văn M: Anh Lê Văn Nhân, sinh năm 1976; *trú tại*: Đội 8, thôn TC, xã TP, huyện TT, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bào chữa:

1. Ông Nguyễn Đình Khỏe - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Trầg Thi - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Đỗ Duy K. Có mặt.

2. Ông Hà Huy Sơn - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Hà Sơn - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Lê Văn C. Vắng mặt.

3. Ông Phạm Văn Tiến - Luật sư thuộc Công ty luật hợp danh Hồng Bách và Cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Lê Văn M, Lê Văn C, Đỗ Duy C và Lê Văn KH. Có mặt.

4. Ông Lương Quang Tuấn - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư An Thái - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Hồng Quang T. Có mặt.

Nguyên đơn dân sự không có kháng cáo: Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TT, thành phố Hà Nội; *người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Xuân Thịnh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Có mặt.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án; người làm chứng:

1. Anh Đỗ Duy Thắng, sinh năm 1981; 2. Anh Lê Văn Phong, sinh năm 1971; 3. Anh Đỗ Duy Sơn, sinh năm 1970; 4. Anh Lê Văn KH, sinh năm 1984; 5. Anh Lê Văn Hưng, sinh năm 1976; 6. Anh Lê Văn May, sinh năm 1970.

Điều trú tại: Đội 5, thôn TC, xã TP, huyện TT, thành phố Hà Nội.

7. Anh Hồ Văn Hà, sinh năm 1975; *trú tại:* Đội 6, thôn TC, xã TP, huyện TT, thành phố Hà Nội.

8. Anh Hoàng Văn Hải, sinh năm 1971; *trú tại:* Đội 7, thôn TC, xã TP, huyện TT, thành phố Hà Nội.

9. Anh Lê Văn Chính, sinh năm 1974; 10. Bà Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1969 (Có mặt); 11. Ông Đỗ Duy Thuần, sinh năm 1958 (Có mặt); 12. Ông Đỗ Duy Vính, sinh năm 1964 (Có mặt); 13. Ông Nguyễn Cao Hòa, sinh năm 1961 (Có mặt); 14. Ông Lê Văn Dũng, sinh năm 1960 (Có mặt).

Điều trú tại: Đội 8, thôn TC, xã TP, huyện TT, thành phố Hà Nội.

15. Ông Nguyễn Văn Chung, sinh năm 1967; nguyên Phó bí thư Đảng ủy; hiện là Bí thư Đảng ủy xã TP (Có mặt).

16. Ông Nguyễn Văn Nghị, sinh năm 1962; Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã TP (Có mặt).

17. Ông Lê Xuân Huệ, sinh năm 1977; nguyên cán bộ địa chính xã TP (Có mặt).

18. Ông Nguyễn Văn Phùng, sinh năm 1954; nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TP (Có mặt).

19. Ông Nguyễn Quảng Độ, sinh năm 1956; nguyên Chủ tịch UBND xã TP (Có mặt).

20. Ông Dương Ngọc Minh, sinh năm 1965; nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TP (Có mặt).

21. Ông Nguyễn Hưng Đán, sinh năm 1955 nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TP (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào các ngày 10/01/2010, 06/7/2010 và 08/11/2010, Đỗ Duy C là Bí thư Chi bộ Đội 8, thôn TC, xã TP, huyện TT, thành phố Hà Nội đã tổ chức 3 cuộc họp để đề ra chủ trương thành lập Ban kiến thiết và báo cáo Ủy ban nhân dân xã TP về việc cho thanh lý nhà văn hóa cũ của thôn; thành phần cuộc họp gồm Đỗ Duy C - Bí thư Chi bộ, Lê Văn KH - Phó Bí thư Chi bộ, Lê Văn M - Đảng viên tham dự. Sau đó, Đỗ Duy K là Cụm trưởng cụm dân cư số 8, thôn TC, xã TP và Hồng Quang T là Cụm phó tổ chức họp quân dân chính và Hội nghị xã viên triển khai nghị quyết của chi bộ, xin ý kiến về việc thanh lý nhà văn hóa và cho thuê thầu lâu dài đất xen kẹt và đã thành lập Ban kiến thiết gồm: Đỗ Duy K - Trưởng cụm dân cư là Trưởng ban; Lê Văn M - Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi là Phó ban (*Ngày 24/11/2010 Lê Văn M được bầu làm Trưởng ban thay Đỗ Duy K*); Lê Văn C là Phó ban; Lê Văn KH - Phó Bí thư Chi bộ là Phó ban; Hồng Quang T - Phó cụm dân cư là Phó ban; Đỗ Duy C - Bí thư Chi bộ là Ủy viên và các ủy viên là ông Đỗ Duy Thuận, ông Đỗ Duy Vĩnh, bà Nguyễn Thị Thu, ông Nguyễn Cao Hòa, ông Lê Văn Dũng. Ban kiến thiết có nhiệm vụ kiểm tra đất xen kẹt chưa sử dụng và các hợp đồng thuê thầu đã hết hạn để cho thuê thầu lâu dài lấy tiền xây dựng các công trình của đội 8. Ban kiến

thiết thống nhất cho thuê thầu lâu dài 370,8 m² đất nhà văn hóa cũ và diện tích đất thu hồi của bà Đỗ Thị Hợp.

Ngày 30/10/2010, Đỗ Duy K tổ chức họp hội nghị xã viên thống nhất cho thuê thầu lâu dài đất nhà văn hóa cũ; ngày 15/01/2011 họp thống nhất cho thuê thầu lâu dài đất xen kẹt ven sông Nhuệ.

Đỗ Duy K đã thông qua quy chế đấu thầu đất nhà văn hóa cũ tại hội nghị xã viên và ký ban hành quy chế đấu thầu tháng 10/2010 với mức giá thuê thầu là 7.000.000 đồng/m² và 6.000.000 đồng/m² và chỉ công dân trong đội 8 mới được tham gia thuê thầu. Do không ai thuê thầu nên ngày 30/11/2010 thống nhất hạ xuống 4.000.000 đồng/m².

Ngày 24/11/2010, Ban kiến thiết bầu Lê Văn M là Trưởng ban, Đỗ Duy K là Phó ban. Sau đó, anh Đỗ Duy Thắng đã thuê thầu đất tại nhà văn hóa là 4.200.000 đồng/m², tổng số tiền thu được 1.557.360.000 đồng. Ngày 22/01/2011, Ban kiến thiết ký bàn giao toàn bộ đất nhà văn hóa cũ cho anh Thắng.

Ngày 27/01/2011, Lê Văn M ký ban hành quy chế đấu thầu đất xen kẹt với giá sàn 7.000.000 đồng/m² và 70 kg thóc/năm với quy định người trúng thầu được xây lán trại và chỉ những người ở đội 8 không nợ sản phẩm mới được tham gia thầu.

Ngày 28/01/2011, Ban kiến thiết tổ chức cho thuê thầu lâu dài 04 lô đất ven sông Nhuệ và có 4 hộ trúng thầu gồm: Hộ anh Lê Văn Chính thuê thầu 106,2m² với giá 743.400.000 đồng; anh Lê Văn Phong thuê thầu 106,2m² với giá 743.400.000 đồng; anh Đỗ Duy Sơn thuê thầu 106,2m² với giá 1.083.240.000 đồng; anh Hồ Văn Hà thuê thầu 106,2m² với giá 754.020.000 đồng; tất cả các hộ đã nộp đủ tiền cho Ban kiến thiết.

Ngày 17/02/2011, Ban kiến thiết tiếp tục tổ chức cho thuê thầu 04 lô đất, những người trúng thầu gồm: Anh Hoàng Văn Hải thuê thầu 158,1m² với giá 964.410.000 đồng, đã nộp 350.000.000 đồng; anh Lê Văn Hưng thuê thầu 180m² với giá tiền 1.098.000.000 đồng, đã nộp 450.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Phương (Có chồng là anh Lê Văn May) thuê thầu 170,1m² với giá 1.207.710.000 đồng, đã nộp 556.000.000 đồng; anh Lê Văn KH thuê thầu 158,1m² với giá

964.410.000 đồng, đã nộp 350.000.000 đồng. Lê Văn M là người viết phiếu thu tiền, Hồng Quang T là thủ quỹ nhận tiền.

Ngày 18/02/2011 và ngày 08/3/2011, Ban kiến thiết đã tiến hành giao đất cho những người trúng thầu, Đỗ Duy K không ký vào 08 biên bản giao đất ven sông Nhuệ nói trên.

Như vậy, tổng diện tích đất Ban kiến thiết đội 8, thôn TC, xã TP, huyện TT đã cho thuê thầu lâu dài (*chuyển nhượng trái thẩm quyền*) là 1.461,9m² đất với tổng số tiền 9.115.950.000 đồng, thực tế đã thu được 6.588.020.000 đồng. Toàn bộ số tiền thu được đã đầu tư xây dựng các công trình như đường bê tông, trường mầm non, nhà tiếp linh của Đội 8.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKS-HS ngày 15/02/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT đã truy tố Đỗ Duy K, Lê Văn M, Hồng Quang T, Đỗ Duy C, Lê Văn KH, Lê Văn C về tội “*Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo điểm b khoản 2 Điều 281 của Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2017/HSST ngày 27/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện TT đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 281; điểm p khoản 1 Điều 46; (*thêm điểm m khoản 1 Điều 46 đối với bị cáo Lê Văn M*); khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Đỗ Duy C **04** năm tù; Đỗ Duy K **03** năm **06** tháng tù; Lê Văn M, Hồng Quang T, Lê Văn KH, Lê Văn C mỗi bị cáo **03** năm tù đều về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”; ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/5/2017, các bị cáo Đỗ Duy C, Đỗ Duy K, Lê Văn M, Hồng Quang T, Lê Văn KH và Lê Văn C đều kháng cáo kêu oan, đề xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, đình chỉ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng các bị cáo không có chức vụ, quyền hạn; việc cho thuê những lô đất là quyết định của tập thể; có sự chỉ đạo, đồng ý của lãnh đạo xã TP. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 231; Điều 234; điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về hình thức; về nội dung: Các bị cáo là những cán bộ

thôn, không có thẩm quyền giao, cho thuê đất nhưng đã bàn bạc, thống nhất, phân công nhiệm vụ để giao đất, thu tiền trái thẩm quyền nhằm phục vụ lợi ích nhóm nên Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* với tình tiết tăng nặng định khung *"Phạm tội nhiều lần"* theo điểm b khoản 2 Điều 281 của Bộ luật hình sự là đúng; sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác các kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm tiếp tục làm rõ hành vi của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã TP để xử lý theo đúng quy định pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm.

Luật sư Nguyễn Đình Khỏe cho rằng có sự chỉ đạo, bật đèn xanh của lãnh đạo xã TP đối với hành vi của các bị cáo nên đề xem xét, giải quyết vụ án một cách tổng thể, toàn diện, không bỏ lọt người, lọt tội thì cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại. Luật sư Phạm Văn Tiến cho rằng đơn vị *"Thôn"* không phải là một cấp hành chính, đó là tổ chức tự quản của một bộ phận nhân dân; các bị cáo không phải là chủ thể đặc biệt, không có chức vụ, quyền hạn; không được giao nhiệm vụ nên không làm trái công vụ; việc các bị cáo làm không có động cơ, mục đích vụ lợi cá nhân mà là để có kinh phí xây dựng các công trình phúc lợi của thôn; Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng định khung *"Phạm tội nhiều lần"* theo điểm b khoản 2 Điều 281 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là không đúng bởi việc cho thuê thầu nhà văn hóa cũ và 8 lô đất diễn ra cùng ngày 28/01/2011; ngoài ra, Cơ quan điều tra không xác định đầy đủ chứng cứ của vụ án theo yêu cầu điều tra bổ sung của Viện kiểm sát nhưng sau đó Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn ra Cáo trạng truy tố các bị cáo là vi phạm về tố tụng; đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố các bị cáo không phạm tội. Luật sư Hà Huy Sơn cho rằng các bị cáo và bị cáo Lê Văn C không phải là chủ thể của tội phạm này nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ vụ án. Luật sư Lương Quang Tuấn đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vì các bị cáo có trình độ nhận thức hạn chế; có sự chỉ đạo từ cấp trên đối với việc các bị

cáo đã làm. Đại diện Ủy ban nhân dân xã TP đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định các bị cáo kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận.

[2] *Về nội dung*: Tại Quyết định số 09/QĐ-ĐU ngày 02/9/2008 và Quyết định số 04/QĐ-ĐU ngày 01/8/2011 của Đảng ủy xã TP, huyện TT đã công nhận cấp ủy Chi bộ, Bí thư (*Đỗ Duy C*) và Phó Bí thư (*Lê Văn KH*) Chi bộ 8 thôn TC nhiệm kỳ 2008-2010; công nhận Lê Văn M là Bí thư Chi bộ nhiệm kỳ 2011-2013. Tại các Quyết định số 62/QĐ-CT ngày 01/7/2009, số 02/QĐ-CT ngày 02/01/2009 và Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 13/9/2011 của Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TT đã công nhận Đỗ Duy K là Trưởng thôn cụm dân cư số 8 nhiệm kỳ 2009-2011 và công nhận Hồng Quang T là Phó thôn cụm dân cư số 8 thôn TC nhiệm kỳ 2009-2011 và 2011-2013.

Lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao, trong năm 2010-2011, Đỗ Duy C - Bí thư Chi bộ, Lê Văn KH - Phó Bí thư Chi bộ, Lê Văn M - Đảng viên đã nhiều lần họp Chi bộ Đội 8 thôn TC đề ra chủ trương thành lập Ban kiến thiết để thanh lý nhà văn hóa cũ và cho thuê đấu thầu lâu dài đất xen kẹt của thôn để lấy kinh phí làm các công trình phúc lợi của thôn, đội; mà thực chất là chuyển nhượng đất trái thẩm quyền; đưa ra các cuộc họp của Chi bộ và được thống nhất thông qua; và cùng Đỗ Duy K nhiều lần tiến hành họp quân dân chính, họp hội nghị xã viên thống nhất. Các bị cáo đã thành lập Ban kiến thiết gồm: Đỗ Duy K là Trưởng ban; Lê Văn M - Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi là Phó ban (*Ngày 24/11/2010 Lê Văn M được bầu làm Trưởng ban thay Đỗ Duy K*); Lê Văn C là Phó ban; Lê Văn KH - Phó Bí thư Chi bộ là Phó ban; Hồng Quang T - Phó cụm dân cư là Phó ban; Đỗ Duy C - Bí thư Chi bộ là Ủy viên và một số ủy viên khác; và lập quy chế đấu thầu. Các bị cáo đã tiến hành cho đấu thầu, mà thực chất là chuyển nhượng, giao đất trái thẩm quyền 09 thửa với tổng diện tích 1.461,9m²

đất vào các ngày 24/11/2010, 28/01/2011 và 17/02/2011 và tiến hành giao đất cho những người trúng thầu vào các ngày 22/01/2011, 18/02/2011, và 08/3/2011; thu được số tiền 6.588.020.000 đồng; các cá nhân, hộ gia đình còn nợ lại là 2.527.930.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên các bị cáo đã phân bổ để sử dụng làm các công trình công cộng của Đội 8, thôn TC, xã TP, huyện TT. Đỗ Duy K không ký vào các biên bản bàn giao 08 lô đất ven sông Nhuệ cho các hộ dân trúng thầu là do bất đồng về lợi ích. Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo đã rõ ràng nên Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*" với tình tiết tăng nặng định khung "*Phạm tội nhiều lần*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 281 của Bộ luật Hình sự là đúng và không oan; theo đó thì Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị hủy bản án sơ thẩm của các Luật sư và các bị cáo.

Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn với vai trò và trách nhiệm chính thuộc về bị cáo Đỗ Duy C và Đỗ Duy K; tiếp đến là Lê Văn M, Lê Văn KH, Hồng Quang T và Lê Văn C đóng vai trò là người đồng phạm giúp sức. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và uy tín của Nhà nước, nhất là chính quyền cơ sở; gây mất lòng tin trong nhân dân; đặc biệt, xuất phát từ những sai phạm này dẫn đến những sai phạm khác, khiến các Cơ quan tổ tụng thành phố Hà Nội đã phải khởi tố, truy tố và xét xử đối với 3/6 bị cáo trong vụ án này về tội "*Hủy hoại tài sản*"; gây bất ổn về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân nên việc truy tố, xét xử và áp dụng hình phạt tù đối với tất cả các bị cáo là cần thiết. Tuy nhiên, xuất phát từ chương trình, mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; với động cơ muốn cuộc sống và sinh hoạt của nhân dân trong thôn được tốt hơn nên các bị cáo đã đề xuất, đưa ra chủ trương và đưa ra các cuộc họp của Chi bộ để thống nhất; họp Quân-Dân-Chính của đội, thôn; họp Hội nghị xã viên, thông báo đến các hộ dân và được đa số nhân dân toàn đội 8 ủng hộ nên các bị cáo đã phạm tội. Quá trình điều tra thể hiện các bị cáo không có vụ lợi cá nhân, trong tổng số 6.588.020.000 đồng thu được đều sử dụng vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công ích của Đội 8, thôn TC, xã TP. Về nhân thân, các bị cáo

đều chưa có tiền án tiền sự; nhất thời phạm tội lần đầu; đều xuất thân từ nhân dân lao động nên phạm tội phần nào do thiếu hiểu biết về kiến thức quản lý kinh tế, kiến thức pháp luật trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai; gia đình các bị cáo đều có thân nhân là người có công với cách mạng; bản thân đã từng tham gia quân đội và có thành tích trong hoạt động sản xuất, chiến đấu; bị cáo Lê Văn M là người già và là người bị bệnh nên khả năng nhận thức và điều khiển hành vi có phần hạn chế; quá trình điều tra và tại các phiên tòa đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; nhân dân trong đội 8, thôn TC và Chính quyền xã TP đều đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho tất cả các bị cáo, vừa thể hiện tính nhân đạo nhưng vẫn thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật hình sự đối với các tội phạm về chức vụ, tham nhũng trong giai đoạn hiện nay.

[3] *Phân kiến nghị*: Hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Để xảy ra những sai phạm nghiêm trọng này là có sự đồng ý, chỉ đạo của Lãnh đạo Cấp ủy, Chính quyền xã TP, huyện TT trong giai đoạn 2009-2011, cụ thể là: Ông Nguyễn Quảng Độ - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; ông Nguyễn Văn Chung - Phó Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã; các ông Nguyễn Văn Phùng và Nguyễn Hưng Đáng - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; ông Lê Xuân Huệ - Cán bộ địa chính xã và một số cá nhân khác có liên quan. Sai phạm của những cá nhân này đã được Đoàn thanh tra của Ủy ban nhân dân huyện TT kết luận; tại Quyết định số 02 ngày 21/02/2014, Công an huyện TT đã tách vụ án hình sự liên quan đến hành vi của những cá nhân trên. Hội đồng xét xử kiến nghị Công an huyện TT và Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tiếp tục xem xét, điều tra làm rõ hành vi của những cá nhân này và những người có liên quan khác để xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm công bằng và tránh bỏ lọt tội phạm.

[4] *Về án phí phúc thẩm*: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, thì các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

1.1) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 281; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đỗ Duy C **03 (Ba)** năm tù về tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

1.2) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 281; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đỗ Duy K **30 (Ba mươi)** tháng tù về tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (*Từ ngày 30/7/2013 đến ngày 16/10/2013*).

1.3) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 281; các điểm m, n, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Văn M **24 (Hai bốn)** tháng tù về tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (*Từ ngày 01/8/2013 đến ngày 15/10/2013*).

1.4) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 281; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Hồng Quang T **24 (Hai bốn)** tháng tù về tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (*Từ ngày 30/7/2013 đến ngày 17/10/2013*).

1.5) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 281; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Văn KH **24**

(Hai bốn) tháng tù về tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

1.6) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 281; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Văn C **20** (Hai mươi) tháng tù về tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

1.7) Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TT Lý lịch tư pháp TW-Bộ Tư pháp;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- UBKT huyện ủy TT;
- TAND huyện TT;
- VKSND huyện TT;
- Công an huyện TT;
- THADS huyện TT;
- UBND xã TP, huyện TT;
- Người kháng cáo;
- Người có liên quan đến kháng cáo;
- Lưu HS, VT.

Trần Nam Hà